TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **25** /2023/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 7 năm 2023
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Dương Viết Vĩnh

2. Ông Nguyễn Văn Hợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 53/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2023 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST - HNGĐ, ngày 15/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Quỳnh L, sinh năm 2000

Địa chỉ: Xóm Đ, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị L có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Tăng Hải N, sinh năm 1996

Nơi đăng ký thường trú: Xóm Đ, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 539, tổ 12, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trương Thị Quỳnh L trình bày*:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Tăng Hải N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 17/9/2019.

Anh chị có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối gì. Sau khi kết hôn chị về nhà Anh N làm dâu. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2021 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Nguyên nhân do Anh N ham chơi các trò chơi điện tử, thiếu trách nhiệm không quan tâm đến vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, không thể quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tăng Hải N, để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Tăng Quỳnh Chi, sinh ngày 22/4/2020. Hiện cháu Chi đang sinh sống ổn định cùng chị nên khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Chi. Chị không yêu cầu Anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Không có

Về phía bị đơn anh Tăng Hải N: Quá trình giải quyết vụ án Anh N không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ) theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Tăng Hải N đăng ký thường trú xác định: Anh N hiện có hộ khẩu thường trú tại Xóm Đ, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, tuy nhiên gần đây Anh N không có mặt tại địa phương. Không có thông tin đề nghị xác nhận để Anh N được đăng ký tạm trú ở các địa chỉ khác.

Tòa án nhân dân huyện P đã ra Quyết định ủy thác đến Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành xác minh về nơi cư trú hiện nay của anh Tăng Hải N, tại các biên bản xác minh, làm việc ngày 14/4/2023 giữa Tòa án nhân dân thành phố T với bà Phùng Thị Làu – Tổ trưởng tổ 12, phường T và Công an Phương Tân Lập, thành phố T xác định: Hiện nay anh Tăng Hải N đang ở cùng với mẹ đẻ là bà Bùi Thị Trâm, tại số nhà 539, tổ 12, phường T, thành phố T. Anh N không đăng ký tạm trú, lưu trú tại đây.

Do Anh N không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa chị Trương Thị Quỳnh L vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh N và được trực tiếp nuôi con chung là cháu Tăng Quỳnh Chi, chị không yêu cầu Anh N cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, công nợ chung chị xác định không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70,71 của BLTTDS. Về phía bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Quỳnh L và cho Chị L được ly hôn anh Tăng Hải N.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Tăng Quỳnh Chi, sinh ngày 22/4/2020 cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Chi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Các bên không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị Quỳnh L và anh Tăng Hải N kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2019 ngày 17/9/2019. Vì nhiều nguyên nhân, nay chị Trương Thị Quỳnh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Tăng Hải N có đăng ký thường trú tại Xóm Đ, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên và không có đăng ký tạm trú ở địa chỉ nào khác. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự tham gia tố tụng của đương sự:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nguyên đơn là chị Trương Thị Quỳnh L đã đến Tòa án làm bản tự khai, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, đối với bị đơn anh Tăng Hải N mặc dù đã được tống đạt hợp lệ tại nơi Anh N đang ở hiện nay nhưng Anh N không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, lập biên bản làm việc tại nơi Anh N đăng ký thường trú và nơi Anh N đang ở hiện nay, xác định được Anh N hiện nay đăng ký thường trú tại Xóm Đ, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, Anh N đang ở cùng với mẹ đẻ là bà Bùi Thị Trầm tại số nhà 539, tổ 12, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, nhưng Anh N không làm thủ tục đăng ký tạm trú ở đây. Tòa án đã nhiều lần liên hệ tới Anh N (thông qua điện thoại) và được Anh N cho biết, anh đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh vì anh rất bận không thể đến Tòa án.

Ngày 15/6/2023 Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn anh Tăng Hải N mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST- HNGĐ ngày 15/6/2023 và đồng thời tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại nơi bị đơn đang ở hiện nay. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Quỳnh L và anh Tăng Hải N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Lý do Chị L xin ly hôn Anh N là do Anh N ham chơi các trò chơi điện tử, không quan tâm đến gia đình, thiếu trách nhiệm với vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngột ngạt. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn Anh N. Xét thấy, Chị L và Anh N không có sự quan tâm, chia sẻ yêu thương nhau trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, như vậy mục đích hôn nhân giữa Chị L và Anh N không đạt được, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, nên cần chấp

nhận cho Chị L được ly hôn Anh N là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh N và Chị L có 01 con chung là cháu Tăng Quỳnh Chi, sinh ngày 22/4/2020. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Chi còn nhỏ, cháu lại là con gái nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ và hiện tại cháu Chi cũng đang sinh sống ổn định cùng Chị L nên cần tránh làm thay đổi, xáo trộn cuộc sống của cháu. Vì vậy, cần giao cho Chị L trực tiếp nuôi cháu Tăng Quỳnh Chi, sinh ngày 22/4/2020 là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, Anh N không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L xác định quá trình chung sống vợ, chồng không có tài sản chung, công nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này Chị L và Anh N có tranh chấp về tài sản chung, công nợ chung thì có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Thị Quỳnh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Quỳnh L, cho Chị L được ly hôn với anh Tăng Hải N.

2. Về con chung: Giao cho chị Trương Thị Quỳnh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tăng Quỳnh Chi, sinh ngày 22/4/2020 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003150 ngày 07 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

5. Thông báo về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt (Chị L) báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt (Anh N) báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện, tỉnh (02 bản);
- T.H.A DS huyện (01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã B;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy